

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/DS-PT

Ngày: 08-9-2022

V/v “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quang.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Chịu và bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Lê Minh Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/DS-PT ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2022/QĐ-PT ngày 25/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Hồ Văn T: Ông Ngô Văn T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên; địa chỉ: 68 L, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lưu Thị B, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2021, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2021, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Hồ Văn T (ông T) trình bày: Khoảng thời gian từ năm 1976 – 1997 theo sự khuyến khích của Nhà nước, vợ chồng ông khai hoang một thửa đất rừng có diện tích khoảng 2ha thuộc khu vực L thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Giai đoạn từ năm 1997 – 2013, diện tích 2ha đất vợ chồng ông khai hoang bị Trung tâm tổng hợp dạy nghề huyện S thu hồi. Giai đoạn từ năm 2013 – 2020 bị ông Nguyễn Minh H (ông H) - nhân viên Công ty TNHH C chiếm dụng trái phép. Năm 2020, ông H khai thác cây keo trồng trên diện tích ông H đã chiếm dụng. Sau khi khai thác, vợ chồng ông H gặp vợ chồng ông đề nghị vợ chồng ông bán thửa đất vợ chồng ông H đã chiếm dụng nhưng vợ chồng ông không bán. Tháng 9/2020 vợ chồng ông trồng 6.000 cây keo trên thửa đất cũ của ông đã bị vợ chồng ông H chiếm dụng. Tổng chi phí đầu tư trồng cây và cây giống là 17.800.000đ. Từ năm 2014 – 2020 ông liên tục có đơn gửi đến chính quyền các cấp để xin giao lại thửa đất mà vợ chồng ông đã khai hoang nhưng không được chấp thuận.

Ngày 12/10/2020, vợ chồng ông H chặt 6.000 cây keo của vợ chồng ông đã trồng. Sau đó ông có đơn gửi đến UBND xã X, Công an xã X, Công an thị xã S yêu cầu xử lý hành vi vợ chồng ông H đã chặt 6.000 cây keo của vợ chồng ông nhưng đều không được giải quyết. Do đó, ông khởi kiện ông H, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Thanh B cùng bồi thường cho vợ chồng ông số tiền 17.800.000đ do có hành vi chặt 6.000 cây keo vợ chồng ông đã trồng.

Tổng chi phí có yêu cầu bồi thường thiệt hại 17.800.000đ được phân tích như sau:

1. Dọn thực bì: 10 công x 400.000đ = 4.000.000đ
2. Công đốt: 06 công x 250.000đ = 1.500.000đ
3. Phân bón lót: 02 bao = 1.300.000đ
4. Công trồng: 12 công x 250.000đ = 3.000.000đ
5. Công cúp lỗ: 12 công x 250.000đ = 3.000.000đ
6. Cây giống: 6.000 cây x 700đ = 4.200.000đ
7. Xe chở cây giống: 200.000đ
8. Tiền ăn nửa buổi và cuối mùa làm: 600.000đ

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Hồ Văn T - ông Ngô Văn T trình bày: Vợ chồng ông H, bà B đều thừa nhận đã nhổ 6000 cây keo do vợ chồng ông T, bà B trồng tại L, thôn C, xã X, thị xã Sông Cầu. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, buộc vợ chồng ông H, bà B phải bồi thường cho vợ chồng ông T, bà B số tiền 17.800.000đ.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày: Ông có khoảnh đất rừng thuộc L, thôn C, xã X. Vợ chồng ông đã canh tác trồng cây ổn định từ năm 2014 – đến năm 2020. Khi cây đến kỳ khai thác, vợ chồng ông khai thác. Sau khi khai thác xong, vợ chồng ông chưa kịp trồng lại cây mới thì vợ chồng ông Hồ Văn T, bà Lưu Thị B (vợ chồng ông T, bà B) trồng cây trên 2ha đất vợ chồng ông vừa khai thác. Vợ chồng ông không đồng ý việc vợ chồng ông T, bà B trồng cây trên 2ha đất của vợ chồng ông đã khai thác nhưng vợ chồng

ông Thành, bà Bảy không đồng ý. Sau đó, vợ chồng ông trình báo sự việc tới UBND xã X nhưng không được giải quyết. Do vậy, vợ chồng ông yêu cầu vợ chồng ông T, bà B chấm dứt hành vi trồng cây trên 2ha đất của vợ chồng ông khai thác. Vợ chồng ông T, bà B vẫn tiếp tục trồng cây trên đất nên vợ chồng ông đã nhổ 6.000 cây keo do vợ chồng ông T, bà B trồng trên 2ha đất. Do đó, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị B trình bày: Bà thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của chồng bà – Hồ Văn T.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh B trình bày: Thừa nhận vợ chồng bà đã nhổ 6000 cây keo giống khoảng 01 tháng tuổi do vợ chồng ông T, bà B trồng vào ngày 12/10/2020 tại L, thôn C, xã X, thị xã S. Bà thống nhất lời trình bày của chồng bà – Nguyễn Minh H, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Biên bản làm việc ngày 19/01/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã X trình bày: Diện tích đất tọa lạc tại khu vực L, thôn C, xã X có 6.000 cây keo vợ chồng ông T trồng đã bị vợ chồng ông H nhổ có nguồn gốc thuộc một phần diện tích 300ha đất được UBND tỉnh Phú Yên giao cho Trung tâm Giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp huyện S (Trung tâm GDTX) tại Quyết định số 1701/UB-ĐC ngày 27/11/1997. Sau đó Trung tâm GDTX cho Công ty TNHH C thuê trồng rừng diện tích khoảng 160ha theo hợp đồng kinh tế liên kết trồng rừng số 03/HĐ-CNL ngày 06/12/2011. Ngày 17/01/2014, UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 84/QĐ-UBND thu hồi diện tích 300ha đất của Trung tâm GDTX giao cho UBND xã X quản lý. Đồng thời công ty TNHH C thanh lý, chấm dứt hợp đồng liên kết trồng rừng số 03/HĐ-CNL ngày 06/12/2011 đã ký với Trung tâm GDTX. Qua nhiều lần UBND xã X giải quyết đơn thư khiếu nại của ông T, đoàn kiểm tra xác định diện tích cụ thể có trồng 6.000 cây keo các bên tranh chấp là 1,45ha. Từ trước đến nay, UBND xã X chưa tiến hành xử lý hành vi lấn chiếm đất rừng trồng cây trái phép trên diện tích đất 1,45ha đối với vợ chồng ông T và vợ chồng ông H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân thị xã S đã quyết định:

Căn cứ các Điều 164, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn T theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2021, đơn sửa đổi, bổ sung ngày 30/3/2021. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Thanh B cùng liên đới bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông Hồ Văn T, bà Lưu Thị B số tiền 17.800.000đ (Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/4/2022, bị đơn ông Nguyễn Minh H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Ông Hồ Văn T trồng cây trên đất do UBND xã X quản lý là không đúng quy định, ông Nguyễn Minh H không phải là chủ sử dụng đất, tự ý chặt cây trên đất là xâm phạm đến tài sản của người khác, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng năm 2015 bác đơn kháng cáo của bị đơn ông H – giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh H kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn đề nghị Hủy bản án sơ thẩm; đề nghị tiếp tục giao thừa đất bị đơn đã canh tác từ năm 2014 đến năm 2020 bị nguyên đơn chiếm dụng.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị xem xét tiếp tục giao thừa đất trồng 6000 cây keo này cho ông quản lý do đã canh tác từ năm 2014 đến hết năm 2020: vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 BLTTDS. Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn không đồng ý bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn: Về nguồn gốc diện tích đất 1,45ha ông Hồ Văn T trồng 6.000 cây keo thuộc khu vực L, thôn C, xã X, thị xã S: là một phần trong diện tích 300ha đất được UBND tỉnh Phú Yên giao cho Trung tâm Giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp huyện S (Trung tâm GDTX) tại Quyết định số 1701/UB-ĐC ngày 27/11/1997. Sau đó Trung tâm GDTX cho Công ty TNHH C thuê trồng rừng diện tích khoảng 160ha theo hợp đồng kinh tế liên kết trồng rừng số 03/HĐ-CNL ngày 06/12/2011. Ngày 17/01/2014, UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 84/QĐ-UBND thu hồi diện tích 300ha đất của Trung tâm GDTX giao cho UBND xã X quản lý. Đồng thời công ty TNHH C thanh lý, chấm dứt hợp đồng liên kết trồng rừng số 03/HĐ-CNL ngày 06/12/2011 đã ký với Trung tâm GDTX.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/11/2021 (bút lục 119, 120) và tại phiên tòa

phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận diện tích đất mà nguyên đơn trồng 6.000 cây keo chưa được nhà nước giao quyền quản lý, sử dụng đất cho ai; bị đơn thừa nhận ngày 12/10/2020 đã nhổ bỏ 6.000 cây keo của vợ chồng ông Thành trồng.

Tháng 9/2020 vợ chồng ông Hồ Văn T tự ý trồng 6.000 cây keo trên diện tích đất 1,45ha thuộc khu vực L, thôn C, xã X, thị xã Sông Cầu do xã X quản lý là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất. Tuy nhiên, UBND xã X chưa lập biên bản vi phạm và xử lý vi phạm hành chính, vợ chồng ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Thanh B tự ý nhổ bỏ 6.000 cây keo nêu trên của vợ chồng ông Hồ Văn T là gây thiệt hại đến tài sản ông T. Bản án sơ thẩm buộc vợ chồng ông H, bà B bồi thường thiệt hại số tiền 17.800.000đ là có căn cứ. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể thỏa mãn với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được cấp sơ thẩm chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định; đồng thời bị đơn ông Nguyễn Minh H kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh H - giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 164, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn T theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2021, đơn sửa đổi, bổ sung ngày 30/3/2021. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Thanh B phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho vợ chồng ông Hồ Văn T, bà Lưu Thị B số tiền 17.800.000đ (*Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng*).

2. Án phí:

Bị đơn ông Nguyễn Minh H phải chịu 890.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003045 ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu nên phải tiếp tục nộp 890.000đ (*Tám trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kiến nghị UBND xã X thực hiện công tác quản lý đất đai tại địa phương theo đúng quy định, xử lý đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TX Sông Cầu (2);
- CC THADS TX Sông Cầu;
- P. NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Hà

Ngô Chiu

Lương Quang

